

Việt Nam và Nhật Bản đều có nhiều điểm tương đồng về lợi ích, đây sẽ là những động lực, nền tảng để hai quốc gia tăng cường hơn nữa mối quan hệ hợp tác trên tất cả các lĩnh vực. Mối quan hệ này không chỉ mang lại lợi ích cho Nhật Bản và Việt Nam, mà nó còn có những tác động tích cực cho mạng lưới quan hệ song phương và đa phương trong khu vực.



RareMetalBlog.com

Tóm tắt

- Mối quan hệ Việt Nam-Nhật Bản từ lâu đã được định hướng bởi các lợi ích kinh tế,

những sự hợp tác chi tiết lược gần đây đã nổi lên như một trọng tâm quan trọng của các mối quan hệ này.

- Sự hợp tác của Nhật Bản cho việc xây dựng năng lực biên giới của Việt Nam đã trở thành một ưu tiên đối với hai nước, phản ánh những mối quan ngại được chia sẻ của hai nước về những sự thay đổi gây xáo trộn trong bối cảnh và những vấn đề trên biên giới của khu vực.

- Mong muốn của Việt Nam cũng cần được phòng ngừa của nước này với Nhật Bản chủ yếu nhằm mục đích tạo thế đối trọng sự bành trướng của Trung Quốc ở Biển Đông. Điều này phản ánh với kế hoạch của Chính quyền Abe “bình thường hóa” thế giới phòng thủ của Nhật Bản và giảm sự phụ thuộc về an ninh của Tokyo vào Mỹ bằng cách tăng cường các mối quan hệ phòng thủ với các nước khu vực.

- Sự hợp tác chi tiết lược song phương có thể góp phần tạo ra “một mảng lưới an ninh có nguyên tắc” bù đắp cho khu vực năng giảm những cam kết quân sự của Mỹ dành cho khu vực này.

- Những thách thức đối với hợp tác chi tiết lược song phương bao gồm chính sách không liên kết của Việt Nam và những hạn chế trong hiến pháp của Nhật Bản, những những thay đổi diễn biến trong thế duy chi tiết lược của Việt Nam do những áp lực của Trung Quốc và triển vọng Thế giới Sinzo Abe với cam kết quyên cho thế năm 2021 có nghĩa là quá độ chi tiết lược song phương hiện nay sẽ có thể được duy trì trong những năm tới.

Giải thích

Chuyến thăm của Nhật hoàng Akihito và Hoàng hậu Michiko đến Việt Nam từ ngày 28/2 đến ngày 5/3/2017 là một bước ngoặt lịch sử trong mối quan hệ song phương do nó là chuyến thăm đầu tiên của một vị Nhật hoàng đến nước này. Đáng chú ý hơn, chuyến thăm diễn ra chỉ 6 tuần sau chuyến thăm của Thủ tướng Nhật Bản Sinzo Abe đến Hà Nội vào tháng 1/2017. Trong khi chuyến thăm của ông Abe tập trung vào thúc đẩy các mối quan hệ kinh tế, chính trị và chi tiết lược song phương, chuyến thăm của Nhật hoàng Akihito giúp thúc đẩy “sức mạnh mềm” của Nhật Bản ở Việt Nam và góp phần củng cố những sự kết nối xã hội và văn hóa giữa người dân hai nước. Hai bên đã tán đồng những kết quả tích cực của các chuyến thăm, với việc các quan chức Việt Nam ca ngợi mối quan hệ này là “mạnh mẽ hơn bao giờ hết”.

Bài viết này đánh giá những phát triển hiện nay trong mối quan hệ Việt Nam-Nhật Bản, tập trung vào tầm quan trọng chiến lược của nó. Trước tiên, bài viết sẽ mang lại một cái nhìn tổng quan về mối quan hệ này, sau đó là một phân tích về sự tập trung ngày càng tăng của hai nước vào sự hợp tác chiến lược trong những năm gần đây. Cuối cùng, bài viết sẽ tìm hiểu những động lực bên dưới xu hướng này và những tác động khu vực của nó.

Các mối quan hệ mênh mông dựa trên những nền tảng mênh mông

Những tương tác giữa Việt Nam và Nhật Bản có thể bắt đầu từ năm 8, khi Phật Triết (tiếng Nhật Bản là Buttetsu), một nhà sư người Chăm từ miền hiện nay là miền Trung Việt Nam đến Nhật Bản vào năm 736. Phật Triết đã giúp truyền bá âm nhạc và điệu nhảy Chăm, tiếng Nhật gọi là Rinyugaki, mà cuối cùng đã trở thành một phần trong âm nhạc và các điệu nhảy trong cung đình Nhật Bản (gagaku). Những mối song phương cũng phát triển mạnh mẽ giữa hai nước trong thế kỷ 16 và 17, khi các thuyền nhân Nhật Bản thành lập “thị trấn Nhật Bản” ở Hội An để trao đổi hàng hóa cho những trao đổi trong tương lai. Chẳng hạn, trong thế kỷ 17, Nhật Bản là thị trường xuất khẩu quan trọng nhất cho hàng Trong (miền Nam Việt Nam), và phải đợi khi Tokugawa Shogunate áp đặt những hạn chế đối với những trao đổi nước ngoài vào những năm 1630 thì Trung Quốc mới bắt đầu thay thế Nhật Bản trở thành đối tác thương mại hàng đầu của miền Nam Việt Nam.

Vào thế kỷ 20, Việt Nam đã bị Pháp chi phối làm thuộc địa, trong khi Nhật Bản đã chuyển mình thành công thành một cường quốc không phải thuộc địa Tây thông qua thế kỷ Minh trị phục hưng. Do đó, Nhật Bản đã trở thành một nguồn cảm hứng cho những người yêu nước Việt Nam một thời gian ngắn, nhiều người trong số họ đã đến đó để học hỏi về hiện đại hóa đất nước và giành lại độc lập quốc gia. Tuy nhiên, trong Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản đã chiếm đóng Việt Nam một thời gian ngắn, và 2 triệu người Việt Nam đã chết đói do hậu quả của việc Nhật Bản tái tịch thổ sản xuất nông nghiệp của Việt Nam để hỗ trợ cho những nỗ lực chiến tranh của nước này. Giai đoạn bị thối nát này dường như không hề nâng lên mối quan hệ song phương sau này, mà chính thức đứt gãy khi Nhật Bản vào năm 1973.

Từ cuối những năm 1970 đến 1992, các mối quan hệ bị kiểm soát bởi sự phân chia của Nhật Bản khi Việt Nam đưa quân vào cuộc xung đột ở Campuchia. Tuy nhiên, sau khi Hiệp định hòa bình Paris 1991 về Campuchia được ký kết, các mối quan hệ song phương đã phát triển mạnh mẽ, được biết trong thập kỷ trước. Trong năm 2006, hai nước đã tuyên bố rằng họ đang làm việc hướng tới “Quan hệ đối tác chiến lược

vì hòa bình và thịnh vượng ở châu Á". Vào tháng 4/2009, trong chuyến thăm của Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Nông Đức Mạnh đến Nhật Bản, hai nước đã chính thức thiết lập "quan hệ đối tác chi tiết" song phương, mà được bổ sung bởi Hiệp định đối tác kinh tế Việt Nam-Nhật Bản đã có hiệu lực 6 tháng sau đó. Trong năm 2014, hai phía đã nâng tầm quan hệ lên mức "đối tác chi tiết toàn diện".

Việc cũng cố các mối quan hệ song phương đã không giới hạn ở các tuyên bố chung và các tên khác nhau mà họ gán cho mối quan hệ này. Các mối quan hệ song phương được biết phát triển mạnh trong 3 lĩnh vực kinh tế then chốt: việc Nhật Bản cung cấp vốn trợ phát triển chính thức (ODA) cho Việt Nam, đầu tư và thương mại.

Được biết, cho tới tháng 9/2016, Nhật Bản đã cung cấp xấp xỉ 2.800 tỷ yên ODA cho Việt Nam. Sự tiến bộ này đóng một vai trò quan trọng trong việc cải thiện cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực cũng như việc áp dụng nhiều cải cách xã hội-kinh tế của Việt Nam. Nhìn lại mình, các dự án lớn của Việt Nam được ODA của Nhật Bản cấp vốn đã thúc đẩy xuất khẩu của Nhật Bản sang Việt Nam và mang lại các cơ hội kinh doanh cho các nhà thầu Nhật Bản. Vào cuối năm 2016, các công ty Nhật Bản đã đầu tư vào 3.320 dự án ở Việt Nam với tổng vốn đăng ký 42,5 tỷ USD, bằng 14,6% tổng vốn tích lũy FDI đã đăng ký ở Việt Nam. Việc này làm cho Nhật Bản trở thành nhà đầu tư nước ngoài lớn thứ hai ở Việt Nam sau Hàn Quốc. Về thương mại, trong năm 2016, hàng Việt Nam xuất khẩu sang Nhật Bản và hàng Nhật Bản xuất khẩu sang Việt Nam lần lượt trị giá 14,68 tỷ USD và 15,04 tỷ USD. Do đó, Nhật Bản hiện nay là đối tác thương mại lớn thứ ba của Việt Nam, sau Trung Quốc, Mỹ và Hàn Quốc. Các mối quan hệ đầu tư và thương mại song phương sẽ mở rộng thêm nếu Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương vượt qua được những trở ngại hiện nay để đi vào có hiệu lực trong tương lai.

Các mối quan hệ kinh tế là một trở ngại then chốt của mối quan hệ của hai nước. Trong khi Việt Nam coi thương mại, vốn và công nghệ Nhật Bản là những nguồn lực quan trọng cho sự phát triển quốc gia của nước này kể từ khi thực hiện đổi mới, Nhật Bản coi Việt Nam là một cơ hội lớn, do nguồn dân số lớn và trẻ, số tiêu dùng hàng hóa đang tăng lên, và nền kinh tế năng động, phát triển nhanh chóng của nước này. Do đó, sự hợp tác kinh tế hai bên đã chi phối chương trình nghị sự song phương.

Tuy nhiên, trong những năm gần đây, sự hợp tác chi tiết đã xuất hiện một

trở cốt quan trọng nữa cho mối quan hệ song phương. Bất chấp quy mô và mức độ khiêm tốn hiện nay do những hạn chế nhất định ở cả hai phía, mô hình hợp tác chính lược Việt Nam-Nhật Bản rộng hơn cho thấy xu hướng tiến lên phía trước mà phần ảnh hưởng lợi ích chính lược ngày càng hội tụ của cả hai nước trong việc phân công lợi ích những thay đổi đáng ngời trong bối cảnh địa chính lược khu vực.

Những trọng tâm mới trong sự hợp tác chính lược

Trước khi Việt Nam và Nhật Bản thiết lập mối quan hệ đối tác chính lược trong năm 2009, hợp tác quốc phòng giữa hai nước giới hạn ở những trao đổi các phái đoàn quân sự và các chuyến thăm của các tàu hải quân Nhật Bản cấp cộng Việt Nam. Tuy nhiên, sau năm 2009, các mối quan hệ quốc phòng và an ninh đã được củng cố và đa dạng hóa nhanh chóng.

Trong năm 2011, hai nước đã thông qua một kế hoạch hành động để thúc đẩy quan hệ đối tác chính lược của hai nước, đã dẫn đến việc mở các văn phòng tùy viên quốc phòng ở cả hai nước, và việc bắt đầu đổi thoả chính sách quốc phòng chính thức. Hai nước cũng đã ký biên bản ghi nhớ (MOU) dành cho các hoạt động hợp tác quốc phòng phạm vi rộng, bao gồm những trao đổi cấp bộ trưởng, tham mưu trưởng và người đứng đầu các quân chủng; các cuộc ghé thăm cùng hải quân; đổi thoả chính sách quốc phòng thường niên ở cấp trưởng quốc phòng; hợp tác trong hàng không quân sự và phòng thủ trên không; huấn luyện nhân sự; chung kinh nghiệm; cứu nạn trên biển; đào tạo về IT; quân y; và gìn giữ hòa bình. MOU cũng đặt ra khuôn khổ pháp lý cho hợp tác giữa các lực lượng bảo vệ bờ biển hai nước, được biết trong các lĩnh vực như tìm kiếm và cứu nạn, cứu trợ thảm họa và hỗ trợ nhân đạo.

Sau khi ông Shinzo Abe quay trở lại ghế thủ tướng vào tháng 12/2012, sự hợp tác chính lược giữa hai nước đã gia tăng hơn nữa. Vào tháng 1/2013, Abe đã lựa chọn Việt Nam làm điểm đến nước ngoài đầu tiên của ông, trong chuyến thăm đó, ông đã tán thành quan điểm của Việt Nam về việc xử lý các tranh chấp Biển Đông bằng cách nhấn mạnh tầm quan trọng của luật pháp quốc tế. Vào tháng 5/2013, Bộ Quốc phòng Nhật Bản đã tổ chức một buổi hội thảo về y học dọai biển ở Việt Nam, và cung cấp huấn luyện về y học dọai biển cho Hải quân Việt Nam tại một căn cứ hải quân của Nhật Bản 4 tháng sau đó. Sự hợp tác này có thể được thúc đẩy theo yêu cầu của Việt Nam, do kế hoạch của Hà Nội đặt mua tàu ngầm lớp Kilo đầu tiên vào đầu năm 2014.

Cũng trong tháng 9/2013, Bộ trưởng Quốc phòng Nhật Bản Itsunori Onodera đã có chuyến thăm đến Việt Nam, trong chuyến đi, ông đã đến thăm các sở chỉ huy thuộc Vùng 4 Hải quân ở cảng Cam Ranh và đã quan sát công tác huấn luyện phòng thủ của Việt Nam cho quần đảo Trường Sa. Sự kiện này là một bằng chứng cho thấy mức độ tin tưởng lẫn nhau cao, và phản ánh mong muốn của Việt Nam tăng cường sự can thiệp hải quân với Nhật Bản cũng như mối quan tâm của Nhật Bản đến tranh chấp Biển Đông. Cũng trong chuyến thăm, ông Onodera đã có các buổi tham vấn với người đồng nhiệm Việt Nam, Tổng Phùng Quang Thanh, trong đó hai bên đồng ý mở rộng sự hợp tác trong đào tạo nguồn nhân lực, dò phá vỡ khí chất phát nổ, hiện đại hóa các cơ quan chấp pháp biển và công nghệ quân sự.

Quốc thất, sự hỗ trợ của Nhật Bản cho việc hiện đại hóa và xây dựng năng lực của các cơ quan chấp pháp biển của Việt Nam kể từ đó đã trở thành một ưu tiên trong hợp tác quốc phòng song phương. Đặc biệt, vào đầu tháng 8/2014, Nhật Bản đã tuyên bố rằng nước này sẽ cung cấp cho Việt Nam 6 tàu tuần tra để hỗ trợ các hoạt động phòng thủ trên biển của nước này ở Biển Đông. Tuyên bố này xuất hiện chỉ sau khi kết thúc cuộc không đồng ý trên biển giữa Việt Nam và Trung Quốc do Trung Quốc đã đặt giàn khoan dầu khổng lồ trong vùng đặc quyền kinh tế (EEZ) của Việt Nam trong hơn 2 tháng. Trong chuyến thăm của mình đến Việt Nam vào tháng 1/2017, Thủ tướng Abe đã tuyên bố rằng Nhật Bản sẽ cung cấp cho Việt Nam thêm 6 tàu tuần tra trị giá 338 triệu USD. Sự trợ giúp của Nhật Bản là một sự tăng thêm đáng giá vào những nỗ lực của Hà Nội cải thiện khả năng của các cơ quan chấp pháp biển, đặc biệt là lực lượng bảo vệ biển Việt Nam, và cơ quan giám sát nguồn cá Việt Nam mới thành lập. Khi Trung Quốc tập trung vào việc sử dụng các tàu thân trọng để kiểm soát các vùng biển ở Biển Đông, khả năng minh bạch của các cơ quan chấp pháp biển của Việt Nam sẽ làm cho nước này có thể phản ứng một cách hiệu quả hơn.

Theo thông tin thì Nhật Bản cũng lên kế hoạch bán 2 radar quan sát mặt đất tiên tiến cho Việt Nam. Đơn đặt hàng này, dự tính được thực hiện vào năm 2018 và do ODA của Nhật Bản tài trợ, sẽ tăng cường thông tin tình báo trên biển của Việt Nam ở Biển Đông. Đáng chú ý, thông tin cũng cho rằng Hà Nội cũng đang cân nhắc mua một máy bay theo dõi chiến đấu P-3C đã qua sử dụng từ Tokyo. Nếu được mua, máy bay đó sẽ có thể được dùng trong các nhiệm vụ theo dõi ở Biển Đông.

Việt Nam và Nhật Bản cũng phải hợp tác để tìm kiếm các điểm đàn đa phương và các tổ chức quốc tế. Trong khi Nhật Bản ngày càng gia tăng tích cực, và vai trò ngày càng tăng của Việt Nam trong các vấn đề khu vực, Việt Nam cũng ngày càng

Cả Nhật Bản là một bên tham gia quốc tế lớn. Chúng ta, Việt Nam cũng có thể can thiệp mạnh mẽ của Nhật Bản trong ASEAN và khu vực tiểu vùng sông Mekong, cũng như nỗ lực của Tokyo trở thành thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc.

Sự hợp tác quốc phòng và an ninh Việt-Nhật là một phần trong bức tranh chiến lược khu vực rộng lớn hơn, khi nó mở rộng và sâu sắc hơn, chắc chắn sẽ tác động đáng kể đến bối cảnh địa chính trị khu vực.

Tóm quan trọng mang tính khu vực và sự hợp tác chiến lược Việt-Nhật

Hợp tác quốc phòng trên biển song phương là kết quả tự nhiên của lợi ích an ninh được chia sẻ của hai nước. Sự mạnh mẽ quân sự ngày càng áp đảo của Trung Quốc và những động thái quyết đoán của nước này trong các tranh chấp trên biển với Việt Nam và Nhật Bản, như việc Trung Quốc thiết lập Vùng nhận dạng phòng không trên Biển Hoa Đông và việc nước này xây dựng 7 đảo nhân tạo ở quần đảo Trường Sa, đã đe dọa làm thay đổi hiện trạng khu vực, điều mà cả hai nước phản đối. Hợp tác chiến lược để đổi phó với Bắc Kinh do đó đã trở thành cần thiết với cả hai bên. Điều này được phản ánh rõ trong những cam kết của ông Abe trong chuyến thăm đầu tiên của ông vào tháng 1/2017. Ông cũng đầu tư nguồn nước sông Hồng ở miền Bắc Việt Nam chảy ra Biển Đông và Biển Hoa Đông mà kết nối với Vịnh Tokyo, ông Abe đã tuyên bố rằng “Không gì có thể cản trở việc đi lại trên tuyến đường này. Nhật Bản và Việt Nam là hai nước láng giềng được kết nối bởi vùng đất chung không thuộc quyền sở hữu của nước nào”.

Việt Nam mong muốn tăng cường sự can thiệp quốc phòng với Nhật Bản để cùng có thể phòng vệ và tạo thế đổi trạng sự bành trướng của Trung Quốc ở Biển Đông. Việc này phần nào giải thích lý do tại sao việc củng cố các mối quan hệ quốc phòng song phương đã bắt đầu vào khoảng năm 2011 khi xu hướng Trung Quốc quyết đoán trên biển trở nên rõ ràng. Ý định này cũng được phản ánh trong yêu cầu Nhật Bản cung cấp các tàu tuần tra của Việt Nam cũng như những sự trợ giúp khác để củng cố khả năng trên biển của nước này.

Theo quan điểm của Hà Nội, Nhật Bản có thể là đối tác chiến lược quan trọng nhất của Việt Nam trong tương lai trước mắt. Quan hệ song phương nhìn chung là không có rào cản, dựa trên nền tảng kinh tế vững chắc, sự tin tưởng lẫn nhau mạnh mẽ, và

các lợi ích chiến lược hội tụ cao, đặc biệt là với vấn đề Trung Quốc. Với Việt Nam, Nhật Bản quan trọng hơn nhiều so với bất cứ cường quốc nào khác bởi vì Tokyo không chỉ có khả năng kinh tế và quân sự, mà nước này còn sẵn sàng giúp cùng cả Việt Nam và các nước Đông Nam Á khác duy trì cán cân sức mạnh khu vực. Quan trọng hơn, Nhật Bản là một cường quốc Đông Á, và có quan hệ rạn ròi từ lâu với Trung Quốc. Các yếu tố này biến Nhật Bản trở thành một đối tác an ninh đáng kể của Việt Nam, và khi các cam kết an ninh của Nhật Bản đáng tin hơn nhiều. Mong muốn của Việt Nam tìm kiếm chặt chẽ với những ý định của Nhật Bản đối với chính sách quốc phòng và an ninh của Chính quyền Abe, đó là tìm cách “bình thường hóa” tờ thủ quốc phòng của Nhật Bản và giảm sự dè bặt trên những của Tokyo do sự phụ thuộc về an ninh của nước này vào Mỹ. Công lực này có thể trở nên mạnh mẽ hơn trong những năm tới do những sự không chắc chắn về chính sách của Mỹ đối với khu vực.

Ngay cả Chính quyền Trump có thể giảm sự can thiệp quân sự của Mỹ ở châu Á để đưa gờ về những nguyên lý trật tự khu vực sau Chiến tranh thế giới hai và làm bớt ảm đạm an ninh khu vực. Sự hợp tác chiến lược trong sự các nước khu vực do đó trở thành một sự phòng ngừa cho yếu tố chung lợi nguy cơ này. Sự hợp tác như vậy, dù là trong các hình thức song phương hay đa phương thu hẹp, có thể góp phần tạo ra một “mạng lưới an ninh có nguyên tắc”, mà từng được Chính quyền Obama đề xuất. Các mối quan hệ an ninh được thúc đẩy của Nhật Bản với Việt Nam, và với các nước khác trong khu vực có thể tương giáng nhau như Úc, Philippines, Singapore và Ấn Độ, có thể làm tăng khả năng xuất hiện một mạng lưới như vậy. Như Slaughter và Rapp-Hooper lập luận, “các mạng lưới một lưới có khả năng phức tạp cao bởi vì không có một một lưới cá nhân nào là trung yếu đối với sự tồn tại của cấu trúc này – cho dù một liên kết đứt gãy, cấu trúc này vẫn tồn tại”, Việt Nam và Nhật Bản có thể nằm trong sự những một lưới đầu tiên của một mạng lưới như vậy nếu các mối quan hệ quốc phòng song phương tiếp tục được củng cố và thế chế hóa.

Kết luận

Sự hợp tác chiến lược giữa Việt Nam và Nhật Bản đã từng củng cố trong những năm gần đây do sự lực phụ hợp của hai nước trong việc phân ứng những thách thức an ninh chung, đặc biệt là trong lĩnh vực biển. Mặc dù mối quan hệ hợp tác đẩy hũa hơn, hai bên vẫn đối mặt với những hơn chế nhất định. Trong khi Việt Nam mong muốn duy trì chính sách không liên kết và bước đi một cách thận trọng trên con đường đi giữa Trung Quốc và các cường quốc khác, Nhật Bản đối mặt với những hơn chế trong hiện pháp, đôi khi khiến cho khó có thể hoàn toàn cam kết về các mối quan hệ quân sự có ý nghĩa với các nước ngoài, bao gồm cả Việt Nam.

Tuy nhiên, trong ngắn hạn, các mối quan hệ chiến lược song phương vẫn có một

triển vọng tích cực. Về phía Việt Nam, các động thái quyết đoán của Trung Quốc ở Biển Đông, đặc biệt là trong cuộc khủng hoảng giàn khoan dầu năm 2014 và việc Trung Quốc xây dựng các đảo nhân tạo ở quần đảo Trường Sa, đã làm cho các nhà lãnh đạo Việt Nam bõ gan hơn và làm thay đổi tư duy an ninh của họ theo chiều hướng làm sâu sắc thêm các mối quan hệ quân sự với Nhật Bản và các cường quốc khác.

Trong khi đó, Chính quyền Abe cũng đang làm việc để sửa đổi Hiến pháp Nhật Bản nhằm mang lại cho các lực lượng vũ trang sự linh hoạt hơn trong việc đối phó với các thách thức an ninh phức tạp. Quyết định của đảng Dân chủ Tự do (LDP) cho phép ông Abe tranh cử nhiệm kỳ thứ 3 liên tiếp với tư cách là chủ tịch đảng LDP đã mở đường cho ông vận giã đắc cử ghế thủ tướng cho nhiệm kỳ 2021, điều này sẽ thu hút lợi ích cho việc hiện thực hóa các tầm nhìn chính sách của ông. Nếu LDP và ông Abe vận công quyền, quá trình hợp tác chiến lược hiện nay giữa Nhật Bản và Việt Nam vẫn có thể duy trì. Câu hỏi khi đó là hai nước này sẽ tiến lên như thế nào tiếp đó. Ngoài việc thông qua các sáng kiến hợp tác phòng thủ đáng kể hơn, việc đưa quan hệ hợp tác chiến lược song phương vào các khuôn khổ đa phương thu hút, như các mối quan hệ giữa Nhật Bản, Mỹ và Úc, hoặc Nhật Bản, Ấn Độ và Úc, có thể là một lựa chọn để cân hai bên cân nhắc.

Lê Hồng Hiệp là chuyên viên nghiên cứu tại Viện Nghiên cứu Đông Nam Á (ISEAS)-Viện Nghiên cứu Yusof Ishak. Bài viết được đăng trên [ISEAS](#).

Vấn Củng (gt)